

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về Dự án

1.1.1. Tên Dự án

KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI THÔN 2, XÃ QUẢNG THẠCH, HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH (NAY LÀ THÔN 2, XÃ TRUNG THUÀN, TỈNH QUẢNG TRỊ).

1.1.2. Chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với Chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của Chủ dự án; tiến độ thực hiện Dự án

- Tên Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Hùng Mỏ.
- Địa chỉ liên hệ: thôn 3, xã Trung Thuàn, tỉnh Quảng Trị..
- Đại diện: Ông Phạm Mạnh Hùng; Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại:
- Tiến độ thực hiện Dự án:
 - + Tháng I/2026 - tháng II/2026: Hoàn thành thủ tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản; xin chấp nhận chủ trương đầu tư và các thủ tục đầu tư xây dựng, môi trường.
 - + Tháng III/2026: Thời gian xây dựng cơ bản mỏ, đầu tư trang thiết bị.
 - + Tháng IV/2026: Dự án đi vào hoạt động

1.1.3. Vị trí địa lý

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc thôn 2 xã Trung Thuàn, tỉnh Quảng Trị có chiều dài 300m, chiều rộng từ 100m- 200m, trung bình 150m, có diện tích 4,53ha (45.265m²), được giới hạn bởi 6 điểm góc có toạ độ như sau:

Bảng 1.1. Toạ độ các mốc ranh giới của Dự án

Điểm góc	Toạ độ VN.2.000, KTT 106 ^o múi chiếu 3 độ	
	X (m)	Y (m)
1	1.972.522	533.967
2	1.972.487	533.710
3	1.972.578	533.769
4	1.972.680	533.633
5	1.972.738	533.682
6	1.972.621	533.973

[Nguồn: Bản đồ địa chính khu vực thực hiện Dự án]

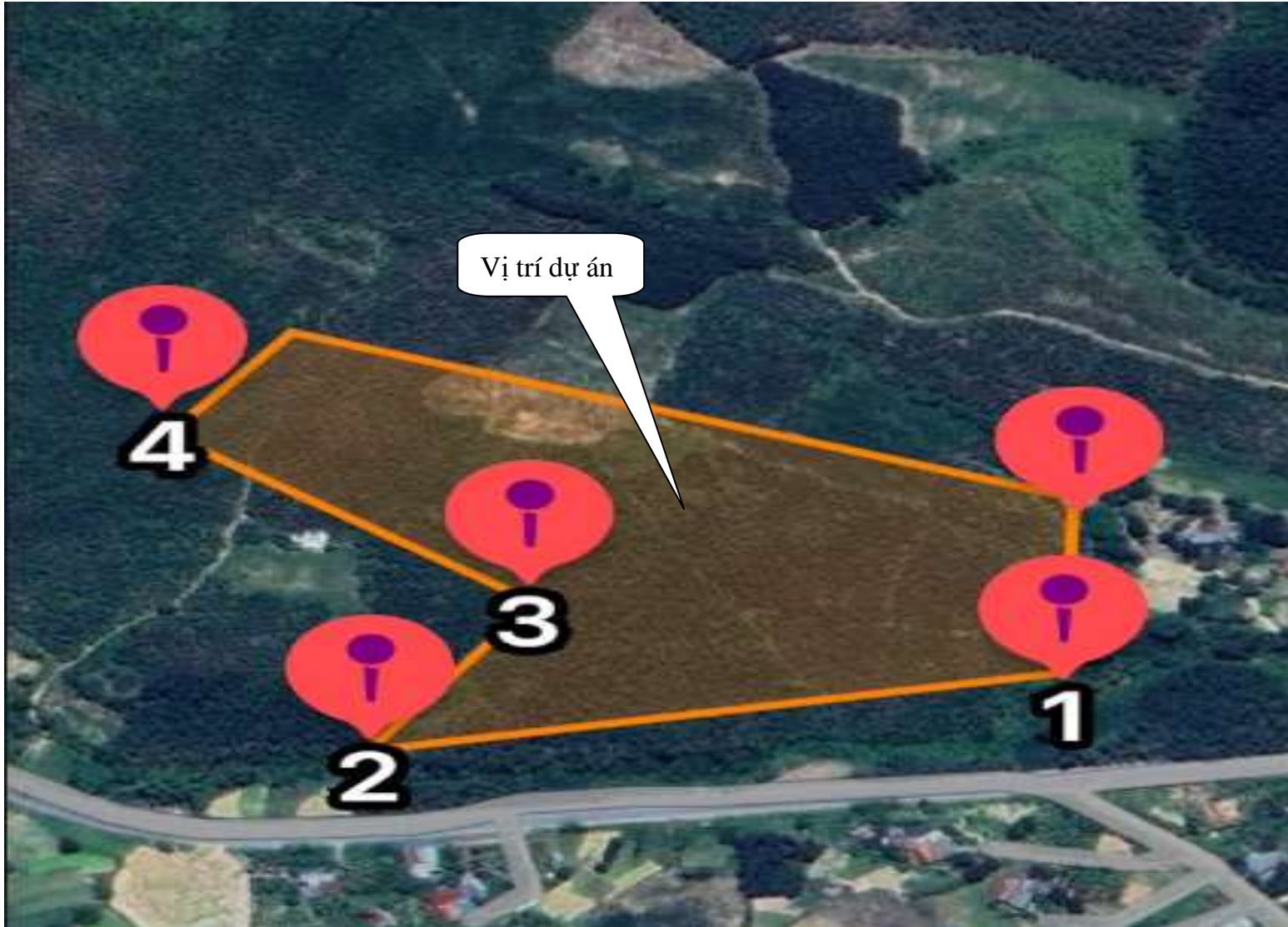
Thuộc tờ bản đồ địa chính có nền địa hình tỷ lệ 1:10.000 xã Quảng Thạch.

Tờ số 2 (10-974530 + 974536 + 980530) hệ toạ độ, độ cao quốc gia VN2000, múi chiếu 3 độ, KTT 106^o.

Tiếp giáp với khu vực dự án là rừng trồng của người dân trên địa bàn, cụ thể:

- Phía Đông: đất trồng rừng sản xuất của người dân.
- Phía Tây: giáp đất trồng rừng sản xuất của người dân.
- Phía Nam: giáp đường giao thông và đất trồng rừng sản xuất của người dân.

- Phía Bắc: giáp đất trồng rừng sản xuất của người dân.
Vị trí của Dự án được thể hiện ở hình sau:



Hình 1.1. Vị trí thực hiện Dự án

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

Toàn bộ diện tích khu vực thực hiện Dự án là đất trồng rừng sản xuất (keo lai). Hiện trạng trên đất có cây keo tái sinh sau khai thác mọc thưa thớt với độ tuổi khoảng 2-3 năm:

Bảng 1.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Dự án

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Quản lý
1	Đất rừng sản xuất (rừng trồng)	45.265	
	Tổng	45.265	

Hình 1.2: Hiện trạng khu vực dự án

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Khu dân cư:

+ Trong phạm vi thực hiện dự án không có nhà dân hiện hữu thuộc diện di dời, tái định cư.

+ Khu dân cư gần nhất cách dự án khoảng 500m về phía Nam.

- Hiện trạng các công trình khác:

Giao thông đến khu vực mở rất thuận lợi. Mở cách đường nhựa DT22 khoảng 50m về phía Nam.

Từ khu mở có thể vận chuyển theo đường nhựa liên xã và đi đến các nơi trong vùng đều rất thuận tiện.

Khu mở phân bố trên đồi đất, có độ cao thay đổi từ +5–68m, địa hình thoải dần về phía bắc. Có diện tích 4,53ha, chiều dài trung bình 300m; rộng trung từ 100-200m. Phía tây và phía nam giáp với địa hình đồi, phía đông và phía bắc địa hình thấp dần, dưới chân đồi khá bằng phẳng. Toàn bộ diện tích khu vực thăm dò đều được dân trong vùng trồng cây bạch đàn nay đã khai thác gần hết.

- Hiện trạng sông, suối và các dòng chảy bề mặt:

Trong phạm vi thực hiện Dự án không có ao hồ, sông suối nào chảy qua. Tiếp giáp với phía Đông Bắc của khu vực dự án hiện có các khe nước cạn và các mương tụ thủy, các rãnh, khe nước là đường dẫn nước mùa mưa.

- Hiện trạng tuyến đường giao thông:

Khu vực dự án có hệ thống đường giao thông tương đối thuận lợi, cụ thể:



Hiện trạng Tuyến đường tỉnh lộ DT22
Hình 1.3: Hiện trạng các tuyến đường giao thông

- Đối tượng kinh tế xã hội khác:

1.1.5. Mục tiêu, quy mô, công suất Dự án

1.1.5.1. Mục tiêu của Dự án

- Cung cấp đất làm vật liệu san lấp cho các công trình giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các tỉnh khác. Giải quyết việc làm tăng thu ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế, phí, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản,...

- Phục vụ nhu cầu đất làm vật liệu san lấp cho các công trình thủy lợi; công trình kè biển và chống sạt lở khẩn cấp kè biển, công trình khắc phục thiên tai, địch họa; công trình hạ tầng giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới,...

1.1.5.2. Quy mô

a. Loại hình Dự án: khai thác khoáng sản.

b. Quy mô diện tích

Diện tích Dự án 4,53 ha.

c. Trữ lượng mỏ

* *Trữ lượng địa chất:*

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 261.179 m³.

- Quyết định phê duyệt trữ lượng số 523/QĐ-UBND ngày 25 tháng 2 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Bình. Công ty TNHH thương mại tổng hợp Hùng Mỏ tiến hành lập “Báo cáo kinh tế kỹ thuật khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại thôn 2, xã Quảng

Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình”. Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 226.893 m³.

* Trữ lượng khai thác:

Trong quá trình tính trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác đã tính toán phần trữ lượng cần thiết để lại bờ mỏ, vì vậy trữ lượng khai thác sẽ lấy đúng bằng trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác.

Vậy trữ lượng khai thác là:

$$V = 226.893 \text{ m}^3$$

d. Công suất khai thác: 46.000 m³/năm.

e. Tuổi thọ

Tuổi thọ của dự án được xác định trên cơ sở trữ lượng khai thác trong biên giới đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng và công suất của mỏ, được tính như sau:

$$T = T_1 + T_2$$

Trong đó:

T: Tuổi thọ mỏ;

T₁ là thời gian xây dựng cơ bản mỏ và khai thác: 42.893 m³ = 1 năm.

Trong đó khối lượng XDCB : 180 m³, khối lượng khai thác : 42.713 m³.

T₂ : Thời gian khai thác đạt công suất:

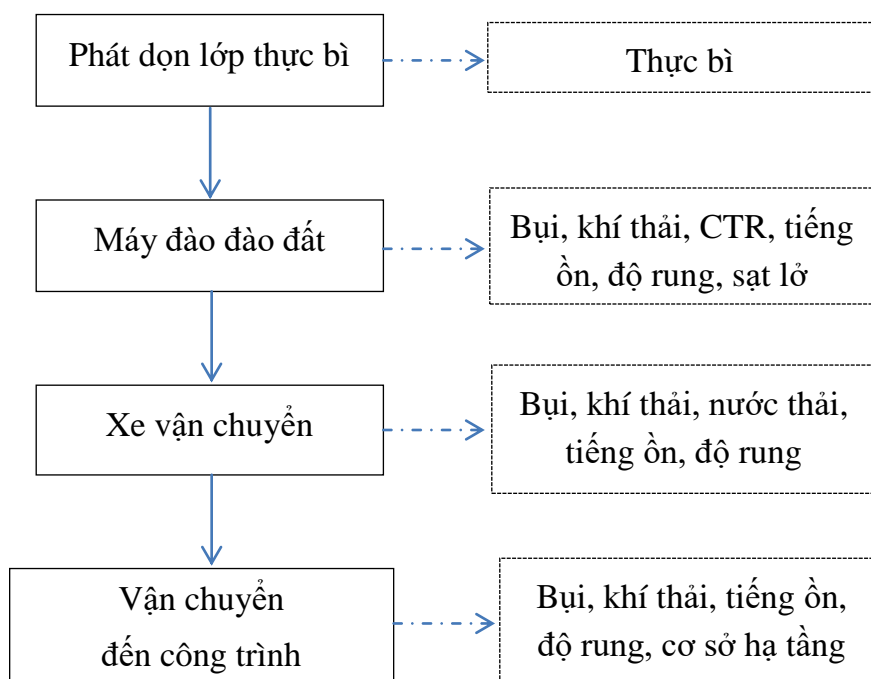
$$T_2 = \frac{Q_{kt}}{A_m} = \frac{226.893 - 42.893}{46.000} = 4 \text{ năm}$$

$Q_{kt} = 226.893$ là trữ lượng đất huy động vào thiết kế khai thác của mỏ

$A_m = 46.000$ là công suất khai thác

Vậy, tuổi thọ của mỏ: $T = 1 + 4 = 5$ năm.

f. Quy trình khai thác



Hình 1.2. Quy trình khai thác đất

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình chính, phụ trợ của Dự án

a. Xây dựng khu phụ trợ.

Khu vực có diện tích 330m² trong phạm vi khu vực mỏ đã được cấp phép (phía Bắc khu mỏ, thuộc diện khai thác của năm thứ nhất) có cao độ thấp hơn +10m, sau khi hoàn thành khai thác, dự kiến sẽ làm nơi làm văn phòng, lán trại tạm, phục vụ khai thác mỏ.

Các hạng mục công trình phục vụ cho mỏ được thiết kế đơn giản nhằm giảm chi phí đầu tư, tận dụng nguồn vật liệu sẵn có tại địa phương tuy nhiên vẫn đảm bảo chất lượng và hiệu quả khi sử dụng.

- Sử dụng container 40 feet (gần 30 m²) làm văn phòng và nhà vệ sinh.

- Dụng lán trại bằng gỗ đơn giản phục vụ chỗ nghỉ cho công nhân, che chắn thiết bị máy móc..

1.2.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1.2.2.1. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Bố trí 01 trạm xịt, rửa xe tự động tại vị trí chuẩn bị ra khỏi ranh giới dự án để làm sạch xe (như hình 1.3).

- Bố trí xe phun nước giảm bụi dọc tuyến đường nhựa DT22.

- Phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển trong khu mỏ và từ cổng khu mỏ đến đường nhựa DT22 với tần suất đảm bảo tuyến đường luôn được giữ ẩm và không phát tán bụi. Số lượng xe bồn: 01 xe, dung tích 5 m³/xe. Chủ dự án thực hiện phun nước dọc tuyến đường này với tần suất 2 lần/ngày, đảm bảo khu vực luôn được giữ ẩm và không phát tán bụi. Tăng tần suất 4 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô nắng và gió hoạt động mạnh.

1.2.2.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải, khí thải

- Bố trí công nhân thu dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường từ Dự án đến điểm giao với đường tỉnh lộ DT22.

- Rải đá dăm tại đoạn đường từ cổng Dự án đến tuyến đường tỉnh lộ DT22 để giảm thiểu bụi phát sinh và đất dính bám vào lớp xe.

- Phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển trong khu mỏ và từ cổng khu mỏ đến đường tỉnh lộ DT22 với tần suất đảm bảo tuyến đường luôn được giữ ẩm và không phát tán bụi. Số lượng xe bồn: 01 xe, dung tích 5 m³/xe.

- Lắp tua dây cao su tiếp xúc bánh xe để giảm bụi có thể xả ra từ lớp xe khi vận chuyển trên đường.

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe, khi vận chuyển không chở quá thành xe, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe.

- Kiểm soát tốc độ vận chuyển của xe, đặc biệt yêu cầu các lái xe giảm tốc độ khi đi qua các khu vực đông dân nhằm giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và hạn chế tai nạn giao thông.

1.2.2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTR thông thường

- Trang bị 03 thùng chứa CTR sinh hoạt (thể tích 120 lít/thùng) chất liệu bằng nhựa HPDE tại khu vực nhà văn phòng để thu gom, phân loại đối với 03 nhóm chất thải: nhóm tái chế, tái sử dụng, nhóm chất thải thực phẩm và nhóm chất thải còn lại. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

1.2.2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH

Xây dựng kho chứa CTNH (diện tích 10 m²) nằm cạnh nhà điều hành để lưu giữ CTNH, kết cấu: khung thép, mái tôn. Số lượng thùng thu gom: 02 thùng chứa CTNH (thể tích 120 lít/thùng) chất liệu bằng nhựa HPDE, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 01 năm/lần.

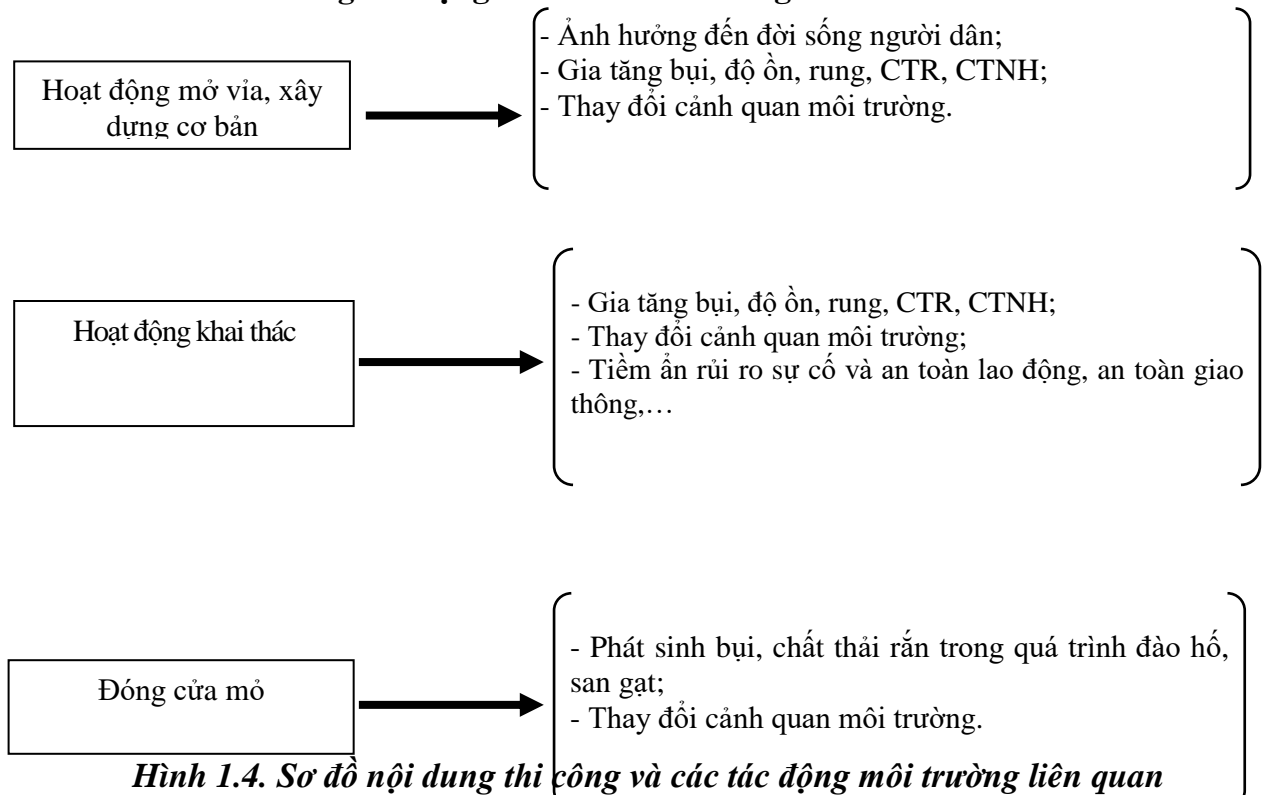
1.2.3. Các hoạt động của Dự án

Dự án bao gồm các hoạt động:

- Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: tạo moong khai thác, lắp đặt nhà container,... và xây dựng công trình bảo vệ môi trường.

- Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và vận chuyển đến các công trình, cơ sở sử dụng.

1.2.4. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường



Hình 1.4. Sơ đồ nội dung thi công và các tác động môi trường liên quan

1.3. Nguyên, nhiên liệu sử dụng của Dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của Dự án

1.3.1. Nhu cầu nhiên liệu

Chủ dự án hợp đồng với cửa hàng xăng dầu trong khu vực để mua nhiên liệu phục vụ cho Dự án. Nhu cầu nhiên liệu của mỏ được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 1.3. Tổng hợp nhu cầu nhiên liệu cho công tác khai thác mỏ

Stt	Nhiên liệu	ĐVT	Năm
1	Nhiên liệu Diezel	lít/năm	30.223
2	Dầu bôi trơn, mỡ máy	kg/năm	1.505

(Nguồn: Khái toán Dự án)

1.3.2. Nguồn cung cấp điện, nước

* Nước cấp

- Hoạt động sinh hoạt: sử dụng các loại nước đóng bình được mua từ các cửa hàng trên địa bàn xã Trung Thuần.

- Hoạt động phun ẩm dọc đường: Chủ dự án bố trí các xe bồn chở nước để phun nước tại tuyến đường vận chuyển phạm vi từ Dự án đến tuyến đường DT22. Nguồn nước được lấy từ cách dự án khoảng 1,7m về phía Đông Bắc và các khe nước lân cận Dự án.

- Hoạt động xịt rửa bánh xe: Chủ dự án bố trí các xe bồn chở nước từ khu vực Sông Rào Nan để cung cấp cho trạm xịt rửa xe. Lượng nước phục vụ hoạt động xịt rửa xe được tuần hoàn, tái sử dụng.

* Nhu cầu sử dụng nước:

- Nước cho sinh hoạt của công nhân: nhu cầu nước của 01 công nhân trong 1 ngày $Q_{SH} = 50$ lít/người/ngày. Định mức cấp nước sinh hoạt theo TCXDVN 33:2006 là 150 lít/người/ngày nhưng do công nhân chỉ làm việc khoảng 8 tiếng/ngày nên ước tính định mức cấp nước sinh hoạt cho công nhân là $Q_{sh} = 50$ lít/người/ngày. Với số lượng công nhân là 18 người, lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân là $0,9 \text{ m}^3$ /ngày.

- Nước cấp cho hoạt động xịt rửa lốp xe: theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế: nước cấp cho hoạt động rửa xe là từ 300 - 500 lít. Tuy nhiên, Dự án chỉ tiến hành xịt rửa xe để hạn chế lượng đất bị kéo theo trong quá trình vận chuyển nên lượng nước cấp quá trình này được ước tính khoảng 50l. Số lượt xe ra vào khu vực Dự án khoảng 138xe/ngày. Vậy, lượng nước cấp cho hoạt động này tại khu vực Dự án khoảng: $138 \text{ xe/ngày} * 50 \text{ lít} = 6,9 \text{ m}^3$ /ngày.

- Nước sử dụng cho phun nước chống bụi tại khu vực Dự án và các tuyến đường vận chuyển: 20 m^3 /ngày.

* Điện: Dự án kết nối hệ thống điện lưới của khu vực để cấp điện cho khu vực nhà điều hành.

1.3.3. Sản phẩm của Dự án

- Đất làm vật liệu san lấp.

1.3.4. Máy móc, thiết bị

- Các loại máy móc, thiết bị phục vụ công tác khai thác mỏ được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.4. Tổng hợp các thiết bị phục vụ khai thác mỏ

Stt	Tên loại máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Máy đào bánh xích dung tích gàu $1,25 \text{ m}^3$	Chiếc	10
2	Máy ủi phụ trợ công suất 110CV	Chiếc	05

Stt	Tên loại máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng
3	Ô tô tự đổ 20 tấn	Chiếc	35
4	Xe bồn	Chiếc	01

[Nguồn: Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án]

1.4. Biện pháp khai thác

1.4.1. Biện pháp tổ chức thi công

a. Giai đoạn chuẩn bị

- Hợp đồng thực hiện rà phá bom mìn, đơn vị rà phá bom mìn chịu trách nhiệm toàn bộ về tất cả các vấn đề an toàn có liên quan tới bom mìn vật liệu nổ trong quá trình khảo sát và thi công sau này trên toàn bộ phạm vi khảo sát và thực hiện Dự án.

- Giải phóng mặt bằng tuyến, cắm mốc, tạo biên vùng khai thác theo thiết kế đối với các khu vực xung quanh.

b. Giai đoạn triển khai thực hiện dự án

* Trình tự khai đào, khai thác đất san lấp:

(1) Dựng trụ bằng cọc tre, sơn đỏ hoặc chôn trụ bê tông định vị giới hạn khu vực dự án với các khu vực xung quanh;

(2) Làm đường nội bộ (đường thi công) tại khu vực khai thác, sử dụng xe xúc, xe ủi để san gạt địa hình để tạo đường thi công tạm thời trong năm. Các tuyến thi công nội bộ chỉ được sử dụng trong thời gian mùa khô của năm.

(3) Tiến hành đắp đê quai và đào rãnh thoát nước: Tùy thuộc vào tình hình thực tế, sử dụng máy xúc đào rãnh thoát nước mưa theo hướng tự nhiên, đồng thời tận dụng phần đất thừa từ quá trình đào rãnh thoát nước để đắp thành các gờ đất (đê quai) cao từ 0,5-1m vào thời gian đầu mỗi năm (giai đoạn) khai thác nhằm ngăn chia khu vực khai thác với các thủy vực lân cận.

Dùng máy ủi, gạt gom các loại vật liệu không phù hợp làm đất san lấp ở bề mặt (nếu có), xúc bốc đưa đi xử lý đúng nơi quy định.

(4) Dùng máy đào đào xúc các tầng theo thứ tự từ xa đến gần (tuyến vận chuyển), từ xa bờ đến gần bờ (từ phía thấp lên phía cao), từ trên xuống dưới. Xuyên suốt từ mặt địa hình đến cao trình thiết kế kết thúc khai đào, tạo mặt phẳng nghiêng theo hướng tự nhiên. Theo điều kiện địa chất, địa hình, mong khai thác hiện trạng tại mỏ, hướng vận tải và công nghệ áp dụng trong mỏ bắt đầu thực hiện tại khu vực, ở phía Đông Nam khu mỏ. Tạo dải khẩu đủ rộng để ô tô và máy xúc có thể đi lại dễ dàng, sau đó ô tô ở dưới tầng khai thác, máy xúc đứng cao hơn ô tô từ 3-5m. Khai thác đất theo lớp bằng theo hình thức cuốn chiếu với chiều cao tầng từ 5-10m, vận tải trực tiếp.

(5) Đất san lấp được xúc đổ trực tiếp lên xe tự đổ; khai thác đến đâu, cho xe vận chuyển đất đi đến đó.

(6) Các xe chuyên chở đất san lấp được phủ bạt kín trên đường vận chuyển và thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường.

(7) Xe chở satado đựng nước dùng để tưới dập bụi tại khu vực khai thác và trên các cung đường vận chuyển.

1.4.2. Trình tự, hệ thống khai thác

a. Trình tự khai thác

Từ các tuyến đường đã có, làm đường vận tải trong khu vực mỏ để ô tô đi lại dễ dàng. Tiến hành khai thác mỏ theo lớp bằng cuốn chiếu theo từng khoảnh mỗi năm khai thác mỗi khoảnh khoảng 0,7 ha, vận tải trực tiếp, khai thác xong khoảnh nào thì tiến hành cải tạo phục hồi môi trường khoảnh đó.

Mỏ được khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, phương án dùng máy xúc gàu ngoạm xúc đất trực tiếp đưa lên ô tô vận chuyển đến nơi tiêu thụ của khách hàng..

b. Hệ thống khai thác

- Chiều cao tầng khai thác, H

Chiều cao tầng khai thác theo lớp bằng được xác định theo điều kiện làm việc an toàn và đảm bảo năng suất của máy xúc, chiều dày của tầng khoáng sản.

Theo điều kiện địa chất khu vực mỏ ta chọn chiều cao tầng lớn nhất của khu mỏ là 10 m.

- Góc nghiêng bờ mỏ: γ

Căn cứ tính chất cơ lý của đất đá mỏ, để đảm bảo an toàn trong khai thác, chọn góc nghiêng bờ mỏ $\gamma = 23^0$.

- Bề rộng dải khẩu :

Để thuận tiện cho công tác xúc bốc, vận tải, trao đổi xe tại gương xúc ban đầu, bề rộng dải khẩu $B = 13-15$ m là đảm bảo các công tác trên được thuận lợi dễ dàng. Trong quá trình khai thác bề mặt moong ngày càng rộng thì công tác khai thác lại càng thuận lợi hơn.

- Diện tích khai thác hàng năm.

Diện tích khai thác hàng năm S khoảng 0,7 ha

1.4.3. Công tác vận chuyển

Dự án sử dụng xe ô tô tự đổ trọng tải 20 tấn để vận chuyển. Số lượng xe khoảng 35 chiếc, trong đó 10 chiếc của Dự án đầu tư và 25 chiếc Dự án thuê dịch vụ bên ngoài. Dự án sẽ sử dụng tuyến đường cấp phối từ Dự án kết nối với đường Tỉnh lộ DT22 để vận chuyển đất ra khỏi Dự án.

Thời gian vận chuyển: theo thời gian khai thác và tránh thời gian nghỉ ngơi của người dân, khung giờ cao điểm của tuyến đường, cụ thể:

- Buổi sáng: 7h30 - 11h00.

- Buổi chiều: 13h00 - 17h30.

1.4.4. Bãi thải

Khai thác đất làm vật liệu san lấp và khoáng sản đi kèm được bốc xúc trực tiếp lên xe vận chuyển đến nơi tiêu thụ nên không đầu tư và thuê đất quy hoạch bãi thải. Trước khi tiến hành khai thác theo từng năm nếu có lớp đất mùn thổ nhưỡng phía trên cùng sẽ được dọn sạch tập trung lại một chỗ trong diện tích mỏ để kết thúc khai thác được hoàn trả mặt bằng trồng cây lâm nghiệp.

1.4.5. Tháo khô mỏ

Việc khai thác đất được thực hiện theo phương pháp bóc sườn, tiến hành ở đồi

thoải dạng bát úp, khu vực không chứa nước mặt, không có chứa nước dưới đất, do đó ở mỏ đất này, khi khai thác Dự án chỉ tạo ra các nương tháo khô theo từng giai đoạn và vị trí khai thác để thoát nước mặt về hồ lắng vào mùa mưa.

1.5. Tiến độ, vốn đầu tư; tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

1.5.1. Tiến độ thực hiện dự án

a. Thời gian thi công:

- Dự kiến quý II năm 2026 sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý, triển khai từ quý III năm 2026.

- Sau khi hết thời hạn trong giấy phép, Chủ dự án sẽ hoàn thành công tác hoàn thổ, phục hồi môi trường, địa hình khu vực khai thác và lập hồ sơ xin gia hạn để đảm bảo khối lượng khai thác theo thiết kế.

b. Kế hoạch thi công:

- Sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép, đợi đến mùa khô, Công ty TNHH TMTH Hùng Mỏ sẽ bắt đầu tiến hành khai thác theo hình thức cuốn chiếu. Thời gian khai thác được thực hiện khoảng 312 ngày/năm.

- Công tác khai thác chỉ thực hiện được trong một khoảng thời gian ngắn, vì vậy sẽ phải tiến hành tăng ca kíp trong ngày. Dự kiến thời gian thi công trong ngày từ 5h đến 18h. Trừ 1h nghỉ trưa, thời gian còn lại trong ngày là 12h, tương đương 1,5ca.

1.5.2. Vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư: **5.222.288.000** đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm hai hai triệu, hai trăm tám tám nghìn đồng chẵn./.*)

Bảng 1.6. Chi phí các hạng mục Dự án

TT	Các khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	50.000	5.000	55.000
II	Chi phí thiết bị	2.720.000	272.000	2.992.000
III	Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác	1.596.199	53.953	1.650.152
1	Chi phí quản lý dự án	56.674		1.056.674
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	539.525	53.953	593.478
3	Chi phí khác	316.000	0	316.000
IV	Vốn lưu động ban đầu	500.000	50.000	550.000
V	Dự phòng (10%*(I+II+III+IV))	418.220	41.822	460.042
VI	Lãi vay thời kỳ XD CB	199.095		199.095

VII	Tổng mức đầu tư	4.799.514	422.774	5.222.288
------------	------------------------	------------------	----------------	------------------

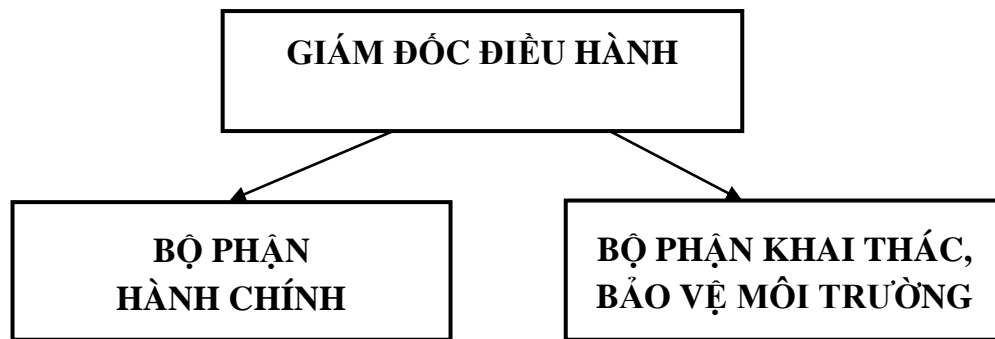
(Nguồn: Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án)

1.5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.5.3.1. Cơ cấu bố trí lao động

Số lượng công nhân, người lao động, quản lý tại Dự án gồm có 18 người.

Sơ đồ cơ cấu bố trí lao động tại mỏ đất như sau:



Hình 1.5. Sơ đồ tổ chức của khu mỏ

1.5.3.2. Chế độ làm việc

- Số ngày làm việc: 312 ngày/năm.
- Số giờ làm việc: 08 giờ/ngày.